

## Bài 1: PHÁP LUẬT VÀ ĐỜI SỐNG

### 1. Khái niệm pháp luật.

#### a. Pháp luật là gì?

Pháp luật là hệ thống các quy tắc xử sự chung do nhà nước ban hành và đảm bảo thực hiện bằng quyền lực nhà nước.

#### b. Các đặc trưng của pháp luật.

- Pháp luật có tính quy phạm phổ biến:

Vì pháp luật là những quy tắc xử sự chung, là khuôn mẫu chung, được áp dụng nhiều lần, ở nhiều nơi, đối với tất cả mọi người, trong mọi lĩnh vực đời sống xã hội.

- Pháp luật mang tính quyền lực, bắt buộc chung, vì :

+ Pháp luật do nhà nước ban hành và được đảm bảo thực hiện bằng sức mạnh quyền lực của nhà nước.

+ Pháp luật là quy định bắt buộc đối với tất cả mọi cá nhân và tổ chức, ai cũng phải xử sự theo pháp luật.

- Pháp luật có tính xác định chặt chẽ về mặt hình thức, vì hình thức thể hiện của pháp luật là các văn bản có chứa các quy phạm pháp luật do cơ quan nhà nước có thẩm quyền ban hành.

+ Phải được diễn đạt chính xác, một nghĩa để ai đọc cũng hiểu được đúng và thực hiện chính xác.

+ Cơ quan nhà nước nào có thẩm quyền ban hành những hình thức văn bản nào đều được quy định chặt chẽ trong Hiến pháp và Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật.

### 2. Bản chất của pháp luật.

#### a. Bản chất giai cấp của pháp luật.

- Các quy phạm pháp luật do nhà nước ban hành phù hợp với ý chí của giai cấp cầm quyền mà nhà nước là đại diện.

Nhằm giữ gìn trật tự xã hội, bảo vệ quyền và lợi ích của nhà nước .

- Nhà nước Việt Nam đại diện cho lợi ích của giai cấp công nhân và nhân dân lao động Việt Nam.

HCM: “ Pháp luật của ta là pháp luật thật sự dân chủ vì nó bảo vệ quyền tự do, dân chủ rộng rãi cho nhân dân lao động...”

#### b. Bản chất xã hội của pháp luật:

\* Pháp luật mang bản chất xã hội vì pháp luật bắt nguồn từ xã hội, do các thành viên của xã hội thực hiện, vì sự phát triển của xã hội .

- Các quy phạm pháp luật bắt nguồn từ thực tiễn đời sống xã hội, phản ánh những nhu cầu lợi ích của các giai cấp và các tầng lớp trong xã hội.

- Các quy phạm pháp luật được thực hiện trong thực tiễn đời sống xã hội vì sự phát triển của xã hội .

### 3. Mối quan hệ giữa pháp luật với kinh tế, chính trị, đạo đức.

#### a. Quan hệ giữa pháp luật với kinh tế (không dạy)

#### b. Quan hệ giữa pháp luật với chính trị (không dạy)

### ***c. Quan hệ giữa pháp luật với đạo đức***

- Nhà nước luôn cố gắng đưa những quy phạm đạo đức có tính phổ biến, phù hợp với sự phát triển và tiến bộ xã hội vào trong các quy phạm pháp luật, trong các lĩnh vực dân sự, hôn nhân, gia đình và văn hóa.
- Khi trở thành các nội dung của quy phạm pháp luật thì các giá trị đạo đức không chỉ được tuân thủ bằng niềm tin, lương tâm của các cá nhân hay sức ép của dư luận xã hội mà còn đảm bảo thực hiện bằng sức mạnh quyền lực của nhà nước.

Vậy pháp luật là phương tiện đặc thù để thể hiện và bảo vệ các giá trị đạo đức.

### ***4. Vai trò của pháp luật trong đời sống xã hội.***

#### ***a. Pháp luật là phương tiện để nhà nước quản lý xã hội.***

- Nhà nước phải quản lý xã hội bằng pháp luật vì nhà nước sẽ phát huy được quyền lực của mình và kiểm tra, kiểm soát được các hoạt động của mọi cá nhân, tổ chức, cơ quan trong phạm vi lãnh thổ của mình.
- Nhà nước quản lý xã hội bằng pháp luật là Nhà nước phải ban hành pháp luật và tổ chức thực hiện pháp luật trên quy mô toàn xã hội, đưa pháp luật vào đời sống của từng người dân và của toàn xã hội.

#### ***b. Pháp luật là phương tiện để công dân thực hiện và bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của mình .***

- Hiến pháp quy định các quyền và nghĩa vụ cơ bản của công dân; các luật về dân sự, hôn nhân và gia đình, thương mại, thuế... cụ thể hóa nội dung, cách thực hiện các quyền công dân trong từng lĩnh vực cụ thể.
- Pháp luật là phương tiện để công dân bảo vệ các quyền và lợi ích hợp pháp của mình thông qua các luật về hành chính, hình sự, tố tụng, trong đó quy định thẩm quyền, nội dung, hình thức, thủ tục giải quyết các tranh chấp, khiếu nại và xử lý các vi phạm pháp luật xâm hại quyền và lợi ích hợp pháp của công dân.

## **Bài 2: THỰC HIỆN PHÁP LUẬT**

### ***1. Khái niệm, các hình thức và các giai đoạn thực hiện pháp luật.***

#### ***a. Khái niệm thực hiện pháp luật.***

- Thực hiện pháp luật là quá trình hoạt động có mục đích làm cho những quy định của pháp luật đi vào cuộc sống, trở thành những hành vi hợp pháp của các cá nhân tổ chức.

#### ***b. Các hình thức thực hiện pháp luật.***

- Sử dụng pháp luật: Các cá nhân, tổ chức sử dụng đúng đắn các quyền của mình, làm những gì mà pháp luật cho phép làm.
- Thi hành pháp luật: Các cá nhân, tổ chức thực hiện đầy đủ những nghĩa vụ, chủ động làm những gì mà pháp luật quy định phải làm.
- Tuân thủ pháp luật: Các cá nhân, tổ chức kiềm chế để không làm những điều mà pháp luật cấm.
- Áp dụng pháp luật: Các cơ quan, công chức có thẩm quyền căn cứ vào pháp luật để ra các quyết định làm phát sinh, chấm dứt hoặc thay đổi việc thực hiện các quyền, nghĩa vụ cụ thể của cá nhân, tổ chức.

#### ***c. Các giai đoạn thực hiện pháp luật. (không dạy)***

## **2. Vi phạm pháp luật và trách nhiệm pháp lí.**

### **a. Vi phạm pháp luật.**

Vi phạm pháp luật có các dấu hiệu cơ bản sau:

- Thứ nhất, đó là hành vi trái pháp luật

+Hành vi đó có thể là hành động- làm những việc không được làm theo quy định của pháp luật hoặc không hành động- không làm những việc phải làm theo quy định của pháp luật.

+Hành vi đó xâm phạm, gây thiệt hại cho những quan hệ xã hội được pháp luật bảo vệ.

- Thứ hai, do người có năng lực trách nhiệm pháp lí thực hiện .

Năng lực trách nhiệm pháp lí được hiểu là khả năng của người đã đạt một độ tuổi nhất định theo quy định của pháp luật, có thể nhận thức, điều khiển và chịu trách nhiệm về việc thực hiện hành vi của mình.

- Thứ ba, người vi phạm pháp luật phải có lỗi.

Lỗi thể hiện thái độ của người biết hành vi của mình là sai, trái pháp luật, có thể gây hậu quả không tốt nhưng vẫn cố ý làm hoặc vô tình để mặc cho sự việc xảy ra.

\* Kết luận: Vi phạm pháp luật là hành vi trái pháp luật, có lỗi do người có năng lực trách nhiệm pháp lí thực hiện, xâm hại các quan hệ xã hội được pháp luật bảo vệ.

### **b.Trách nhiệm pháp lí.**

\* Trách nhiệm pháp lí là nghĩa vụ của các chủ thể vi phạm pháp luật phải gánh chịu những biện pháp cưỡng chế do Nhà nước áp dụng.

\* Trách nhiệm pháp lí được áp dụng nhằm:

- Buộc các chủ thể vi phạm pháp luật chấm dứt hành vi trái pháp luật

- Giáo dục, răn đe những người khác để họ tránh, hoặc kiềm chế những việc làm trái pháp luật

### **c. Các loại vi phạm pháp luật và trách nhiệm pháp lí.**

\*-Vi phạm hình sự là những hành vi nguy hiểm cho xã hội bị coi là tội phạm quy định tại Bộ luật Hình sự.

-Người phạm tội phải chịu trách nhiệm hình sự thể hiện ở việc chấp hành hình phạt theo quyết định của Tòa án:

+ Người từ đủ 14 đến dưới 16 tuổi phải chịu trách nhiệm hình sự về tội phạm rất nghiêm trọng do cố ý hoặc tội phạm đặc biệt nghiêm trọng.

+ Người từ đủ 16 tuổi trở lên phải chịu trách nhiệm hình sự về mọi tội phạm.

+ Việc xử lí người chưa thành niên ( đủ 14 đến dưới 18 tuổi) theo nguyên tắc lấy giáo dục là chủ yếu.

\* Vi phạm hành chính là hành vi vi phạm pháp luật có mức độ nguy hiểm cho xã hội thấp hơn tội phạm, xâm phạm các quy tắc quản lí nhà nước.

- Người vi phạm phải chịu trách nhiệm hành chính theo quy định của pháp luật:

+Người từ đủ 14 đến dưới 16 tuổi bị xử phạt hành chính về vi phạm hành chính do cố ý.

+Người từ đủ 16 tuổi trở lên bị xử phạt hành chính về mọi vi phạm hành chính do mình gây ra.

- \* Vi phạm dân sự là hành vi vi phạm pháp luật, xâm phạm tới các quan hệ tài sản và quan hệ nhân thân.
- Người có hành vi dân sự phải chịu trách nhiệm dân sự:
- + Người từ đủ 6 tuổi đến chưa đủ 18 tuổi khi tham gia các giao dịch dân sự phải được người đại diện theo pháp luật đồng ý, có các quyền, nghĩa vụ, trách nhiệm dân sự phát sinh từ giao dịch dân sự do người đại diện xác lập và thực hiện.
- \* Vi phạm kỉ luật là vi phạm pháp luật xâm phạm các quan hệ lao động, công vụ nhà nước...do pháp luật lao động, pháp luật hành chính bảo vệ.
- Cán bộ, công chức vi phạm kỉ luật phải chịu trách nhiệm kỉ luật với các hình thức cảnh cáo, hạ bậc lương, chuyển công tác khác, buộc thôi việc.

### **Bài 3: CÔNG DÂN BÌNH ĐẲNG TRƯỚC PHÁP LUẬT**

Bình đẳng trước pháp luật có nghĩa là mọi công dân, tôn giáo, thành phần, địa vị xã hội khác nhau đều không bị phân biệt đối xử trong việc hưởng quyền, thực hiện nghĩa vụ và chịu trách nhiệm pháp lí theo quy định của pháp luật.

#### ***1. Công dân bình đẳng về quyền và nghĩa vụ.***

- \* Công dân bình đẳng về quyền và nghĩa vụ có nghĩa là bình đẳng về hưởng quyền và làm nghĩa vụ trước Nhà nước và xã hội theo quy định của pháp luật. Quyền của công dân không tách rời nghĩa vụ của công dân.
- Mọi công dân đều được hưởng quyền và phải thực hiện nghĩa vụ của mình.
- + Quyền: bầu cử, ứng cử, quyền sở hữu, quyền thừa kế, các quyền tự do cơ bản, các quyền dân sự, chính trị khác....
- + Nghĩa vụ: Bảo vệ Tổ quốc, đóng thuế...
- Quyền và nghĩa vụ công dân không bị phân biệt bởi dân tộc, giới tính, tôn giáo, giàu, nghèo, thành phần, địa vị xã hội.

#### ***2. Công dân bình đẳng về trách nhiệm pháp lí.***

- \* Bình đẳng về trách nhiệm pháp lí là bất kì công dân nào vi phạm pháp luật đều phải chịu trách nhiệm về hành vi vi phạm của mình và phải bị xử lí theo quy định của pháp luật.
- Công dân dù ở địa vị nào, làm nghề gì khi vi phạm pháp luật đều phải chịu trách nhiệm pháp lí (trách nhiệm hành chính, dân sự, hình sự, kỉ luật)
- Khi công dân vi phạm pháp luật với tính chất và mức độ như nhau đều phải chịu trách nhiệm pháp lí như nhau, không phân biệt đối xử.

#### ***3. Trách nhiệm của Nhà nước trong việc đảm bảo quyền bình đẳng của công dân trước pháp luật.***

- Quyền và nghĩa vụ công dân được quy định trong Hiến pháp và pháp luật.
- Nhà nước và xã hội có trách nhiệm cùng tạo ra các điều kiện vật chất, tinh thần để đảm bảo cho công dân có khả năng thực hiện quyền và nghĩa vụ của mình.
- Nhà nước xử lí nghiêm minh những hành vi vi phạm quyền và lợi ích của công dân và của xã hội.

## **Bài 4: QUYỀN BÌNH ĐẲNG CỦA CÔNG DÂN TRONG MỘT SỐ LĨNH VỰC CỦA ĐỜI SỐNG XÃ HỘI**

### **1. Bình đẳng trong hôn nhân và gia đình.**

#### **a. Thế nào là bình đẳng trong hôn nhân và gia đình.**

\*Bình đẳng trong hôn nhân và gia đình được hiểu là bình đẳng về nghĩa vụ và quyền giữa vợ, chồng và các thành viên trong gia đình trên cơ sở nguyên tắc dân chủ, công bằng, tôn trọng lẫn nhau, không phân biệt đối xử trong các mối quan hệ ở phạm vi gia đình và xã hội.

#### **b. Nội dung về bình đẳng trong hôn nhân và gia đình.**

\* Bình đẳng giữa vợ và chồng:

-Trong quan hệ nhân thân:

+ Vợ, chồng có quyền và nghĩa vụ ngang nhau trong việc lựa chọn nơi cư trú.

+ Tôn trọng giữ gìn danh dự, nhân phẩm, uy tín của nhau.

+ Giúp đỡ, tạo điều kiện cho nhau phát triển về mọi mặt.

-Trong quan hệ tài sản:

+ Vợ, chồng có quyền và nghĩa vụ ngang nhau trong sở hữu tài sản chung.

+ Vợ chồng có quyền có tài sản riêng theo quy định của pháp luật.

\*Bình đẳng giữa cha mẹ và con.

- Cha mẹ có quyền và nghĩa vụ ngang nhau đối với con, cha mẹ không được phân biệt đối xử giữa các con, ngược đãi hành hạ, xúc phạm con (kể cả con nuôi) ;

- Con có bổn phận yêu quý, chăm sóc, nuôi dưỡng cha mẹ, không được có hành vi ngược nãoi, hành hạ, xúc phạm cha mẹ.

\*Bình đẳng giữa ông bà và cháu.

- Ông bà có nghĩa vụ và quyền trông nom, chăm sóc, giáo dục cháu, sống mẫu mực và nêu gương tốt cho các cháu;

- Cháu có bổn phận kính trọng, chăm sóc, phụng dưỡng ông bà.

\*Bình đẳng giữa anh, chị, em.

Anh chị em có bổn phận thương yêu, chăm sóc, giúp đỡ nhau; có nghĩa vụ và quyền đùm bọc, nuôi dưỡng nhau trong trường hợp không còn cha mẹ không có điều kiện trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục con.

#### **c. Trách nhiệm của Nhà nước trong việc bảo đảm quyền bình đẳng trong hôn nhân và gia đình. (Không dạy)**

### **2. Bình đẳng trong lao động.**

#### **a. Thế nào là bình đẳng trong lao động.**

\*Bình đẳng trong lao động được hiểu là bình đẳng giữa mọi công dân trong thực hiện quyền lao động thông qua việc tìm kiếm việc làm, bình đẳng giữa mọi công dân trong thực hiện quyền lao động thông qua việc tìm kiếm việc làm, bình đẳng giữa người sử dụng lao động và người lao động thông qua hợp đồng lao động, bình đẳng giữa lao động nam và lao động nữ trong từng cơ quan, doanh nghiệp và trong phạm vi cả nước.

### ***b. Nội dung về bình đẳng trong lao động.***

\* Công dân bình đẳng trong thực hiện quyền lao động.

- Công dân được tự do tìm kiếm, lựa chọn việc làm.

- Không bị phân biệt đối xử về giới tính, dân tộc, tín ngưỡng, tôn giáo, nguồn gốc gia đình, thành phần kinh tế.

\*Công dân bình đẳng trong giao kết hợp đồng lao động.

- Hợp đồng lao động là sự thỏa thuận giữa người lao động và người sử dụng lao động về việc làm có trả công, điều kiện lao động, quyền và nghĩa vụ của mỗi bên trong quan hệ lao động.

- Nguyên tắc: Tự do, tự nguyện, bình đẳng.

- Mỗi bên có trách nhiệm thực hiện tốt quyền và nghĩa vụ của mình.

\*Bình đẳng giữa lao động nam và lao động nữ.

-Bình đẳng về cơ hội tiếp cận việc làm; bình đẳng về tiêu chuẩn, độ tuổi khi tuyển dụng; được đối xử bình đẳng tại nơi làm việc về việc làm, tiền công, tiền thưởng, bảo hiểm xã hội, điều kiện lao động và các điều kiện làm việc khác.

-Lao động nữ được quan tâm đến đặc điểm về cơ thể, sinh lí và chức năng làm mẹ trong lao động nên có những quy định riêng...

***c.Trách nhiệm của Nhà nước trong việc bảo đảm quyền bình đẳng trong lao động. (Không dạy)***

### ***3. Bình đẳng trong kinh doanh***

#### ***a. Thế nào là bình đẳng trong kinh doanh***

- Là mọi cá nhân, tổ chức khi tham gia vào các quan hệ kinh tế, từ việc lựa chọn ngành, nghề, địa điểm kinh doanh, lựa chọn hình thức tổ chức kinh doanh, đến việc thực hiện quyền và nghĩa vụ trong quá trình sản xuất kinh doanh đều bình đẳng theo qui định PL.

#### ***b. Nội dung quyền bình đẳng trong kinh doanh***

- Thứ nhất: Mọi công dân đều có quyền tự do lựa chọn hình thức tổ chức kinh doanh theo sở thích và khả năng, nếu có đủ điều kiện.

- Thứ 2: Mọi doanh nghiệp đều có quyền tự chủ đăng kí kinh doanh trong những ngành, nghề mà PL không cấm .

- Thứ 3: Mọi loại hình doanh nghiệp đều bình đẳng trong việc khuyến khích phát triển lâu dài, hợp tác và cạnh tranh lành mạnh,

- Thứ 4: Mọi doanh nghiệp đều bình đẳng về quyền chủ động mở rộng qui mô và ngành, nghề kinh doanh.

- Thứ 5: Mọi doanh nghiệp đều bình đẳng về nghĩa vụ trong hoạt động sản xuất kinh doanh.

***c. Trách nhiệm của Nhà nước trong việc bảo đảm quyền bình đẳng trong kinh doanh (không dạy)***

## **Bài 5: QUYỀN BÌNH ĐẲNG GIỮA CÁC DÂN TỘC, TÔN GIÁO**

### **1. Bình đẳng giữa các dân tộc**

#### **a. Thế nào là bình đẳng giữa các dân tộc**

- Dân tộc được hiểu theo nghĩa là một bộ phận dân cư quốc gia.

\* Quyền bình đẳng giữa các dân tộc là: các dân tộc trong một quốc gia không phân biệt đa số hay thiểu số, trình độ văn hoá, không phân biệt chủng tộc, màu da...đều được Nhà nước và PL tôn trọng, bảo vệ và tạo đk phát triển.

#### **b. Nội dung bình đẳng giữa các dân tộc**

- Các dân tộc Việt Nam đều được bình đẳng về chính trị

\* Quyền công dân tham gia quản lí nhà nước và xã hội, tham gia bộ máy nhà nước, thảo luận, góp ý các vấn đề chung, không phân biệt dt, tôn giáo...

-Các dân tộc sinh sống trên lãnh thổ VN không phân biệt đa số, thiểu số, không phân biệt trình độ phát triển đều có đại biểu của mình trong các cơ quan nhà nước.

- Các dân tộc Việt Nam đều được bình đẳng về kinh tế

\* Thể hiện ở chính sách KT của Nhà nước không phân biệt giữa các dt; Nhà nước luôn quan tâm đầu tư phát triển KT đối với tất cả các vùng, đặc biệt ở vùng sâu, vùng xa, vùng đồng bào dt thiểu số.

Để rút ngắn khoảng cách chênh lệch về KT giữa các vùng, Nhà nước ban hành các chương trình phát triển KT- XH đối với các xã đặc biệt khó khăn, vùng đồng bào dt và miền núi, thực hiện cs tương trợ, giúp nhau cùng phát triển.

- Các dân tộc Việt Nam đều được bình đẳng về văn hoá, giáo dục

\* Các dt có quyền dùng tiếng nói, chữ viết của mình; phong tục, tập quán, truyền thống vh được bảo tồn, giữ gìn, khôi phục, phát huy, phát triển là cơ sở củng cố sự đoàn kết, thống nhất toàn dân tộc.

\* Nhà nước tạo mọi đk để công dân thuộc các dt khác nhau đều được bình đẳng về cơ hội học tập.

#### **c. Ý nghĩa quyền bình đẳng giữa các dân tộc**

\* Bình đẳng giữa các dân tộc là cơ sở đoàn kết giữa các dân tộc và đại đoàn kết toàn dân tộc. Không có bình đẳng thì không có đoàn kết thực sự.

\* Thực hiện tốt chính sách các dân tộc bình đẳng, đoàn kết, tương trợ, giúp nhau cùng phát triển là sức mạnh đảm bảo sự phát triển bền vững của đất nước, góp phần thực hiện mục tiêu “dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng, dân chủ, văn minh”.

#### **d. Chính sách của Đảng và pháp luật của Nhà nước về quyền bình đẳng giữa các dân tộc (đọc thêm)**

\* Ghi nhận trong HP và các văn bản PL về quyền bình đẳng giữa các dân tộc

\* Thực hiện CL phát triển KT-XH đối với vùng đồng bào dân tộc

\*Nghiêm cấm mọi hành vi kì thị, chia rẽ dân tộc

### **2. Bình đẳng giữa các tôn giáo.**

#### **a. Khái niệm bình đẳng giữa các tôn giáo.**



\*Quyền bình đẳng giữa các tôn giáo ở VN đều có quyền hoạt động tôn giáo trong khuôn khổ của pháp luật; đều bình đẳng trước pháp luật; những nơi thờ tự tín ngưỡng, tôn giáo được pháp luật bảo hộ.

**b. Nội dung quyền bình đẳng giữa các tôn giáo.**

\*Các tôn giáo được Nhà nước công nhận đều bình đẳng trước pháp luật, có quyền hoạt động tôn giáo theo quy định của pháp luật.

\*Hoạt động tín ngưỡng, tôn giáo theo quy định của pháp luật được Nhà nước bảo đảm; các cơ sở tôn giáo hợp pháp được Nhà nước bảo hộ.

**c. Ý nghĩa quyền bình đẳng giữa các tôn giáo.**

Quyền bình đẳng giữa các tôn giáo là cơ sở, tiền đề quan trọng của khối đại đoàn kết dân tộc, thúc đẩy tình đoàn kết gắn bó của nhân dân VN, tạo thành sức mạnh tổng hợp của cả dân tộc ta trong công cuộc xây dựng đất nước.

**d. Chính sách của Đảng và pháp luật của Nhà nước về quyền bình đẳng giữa các tôn giáo. (đọc thêm)**

-Nhà nước đảm bảo quyền hoạt động tín ngưỡng, tôn giáo theo quy định của pháp luật.

-Nhà nước thừa nhận và đảm bảo cho công dân có hoặc không có tôn giáo được hưởng mọi quyền công dân và có trách nhiệm thực hiện nghĩa vụ công dân.

-Đoàn kết đồng bào theo các tôn giáo khác nhau, đồng bào theo tôn giáo và đồng bào không theo tôn giáo.

-Nghiêm cấm mọi hành vi vi phạm quyền tự do tôn giáo; lợi dụng các vấn đề dân tộc, tín ngưỡng, tôn giáo để hoạt động trái pháp luật, chia rẽ khối đại đoàn kết dân tộc, gây rối trật tự công cộng, làm tổn hại đến an ninh quốc gia.

**Bài 6. CÔNG DÂN VỚI CÁC QUYỀN TỰ DO CƠ BẢN**

**1. Các quyền tự do cơ bản của công dân**

**a. Quyền bất khả xâm phạm về thân thể của công dân.**

\* Thế nào là quyền bất khả xâm phạm về thân thể của công dân ?

-Quyền bất khả xâm phạm về thân thể của công dân có nghĩa là không ai bị bắt, nếu không có quyết định của Tòa án, quyết định hoặc phê chuẩn của Viện kiểm sát, trừ trường hợp phạm tội quả tang.

\* Nội dung quyền bất khả xâm phạm về thân thể của công dân.

-Không một ai, dù ở cương vị nào có quyền tự ý bắt và giam, giữ người vì những lí do không chính đáng hoặc do nghi ngờ không có căn cứ.

- Tự tiện bắt và giam, giữ người trái pháp luật là xâm phạm đến quyền bất khả xâm phạm về thân thể của công dân, là hành vi trái pháp luật, phải bị xử lí nghiêm minh theo pháp luật.

-Cán bộ nhà nước có thẩm quyền thuộc Cơ quan điều tra, Viện Kiểm sát, Toà án và một số cơ quan khác mới có bắt và giam, giữ người, nhưng phải theo đúng trình tự, thủ tục theo qui định của pháp luật.

-Trong một số trường hợp cần thiết phải bắt, giam, giữ người thì phải theo đúng trình tự và thủ tục do pháp luật quy định.

-Pháp luật quy định rõ trường hợp nào thì mới được bắt giam, giữ người và những ai có quyền ra lệnh bắt giam, giữ người.



\*Ý nghĩa quyền bất khả xâm phạm về thân thể của công dân.(đọc thêm)

-Là một trong những quyền tự do cá nhân quan trọng nhất, liên quan đến quyền được sống của con người...

-Nhằm ngăn chặn mọi hành vi tùy tiện bắt giữ người trái với quy định của pháp luật.

-Nhằm bảo vệ quyền con người- quyền công dân trong một xã hội công bằng, dân chủ, văn minh.

**b. Quyền được pháp luật bảo hộ về sức khỏe, tính mạng, danh dự và nhân phẩm của công dân:**

\*Thế nào là quyền được pháp luật bảo hộ về sức khỏe,tính mạng, danh dự và nhân phẩm của công dân:

Quyền này có nghĩa là, công dân có quyền được bảo đảm an toàn về tính mạng, sức khỏe, được bảo vệ danh dự, nhân phẩm; không ai được xâm phạm đến tính mạng, sức khỏe, danh dự, nhân phẩm của người khác.

\* Nội dung quyền được pháp luật bảo hộ về sức khỏe , tính mạng, danh dự và nhân phẩm của công dân:

- Thứ nhất: Không ai được xâm phạm tới tính mạng, sức khỏe của người khác.

+Không ai được đánh người; đặc biệt nghiêm cấm những hành vi hung hãn, côn đồ đánh người gây thương tích.

+ Nghiêm cấm mọi hành vi xâm phạm đến tính mạng của người khác như giết người, đe dọa giết người, làm chết người.

- Thứ hai: Không được xâm phạm đến danh dự, nhân phẩm của người khác.

+ Không bịa đặt điều xấu, tung tin xấu, nói xấu xúc phạm người khác để hạ uy tín và gây thiệt hại về danh dự cho người đó.

+ Bất kì ai, dù ở cương vị nào cũng không có quyền xâm phạm đến danh dự và nhân phẩm của người khác.

\* Ý nghĩa quyền được pháp luật bảo hộ về sức khỏe,tính mạng, danh dự và nhân phẩm của công dân:  
(đọc thêm)

- Nhằm xác định địa vị pháp lí của công dân trong mối quan hệ với Nhà nước và xã hội.

- Đề cao nhân tố con người trong Nhà nước pháp quyền XHCN.

**2. Trách nhiệm của Nhà nước và công dân trong việc đảm bảo và thực hiện các quyền tự do cơ bản của công dân.**

**a.Trách nhiệm của Nhà nước. (đọc thêm)**

-Nhà nước xây dựng và ban hành một hệ thống pháp luật. Thông qua pháp luật , Nhà nước xử lí, trừng trị nghiêm khắc những hành vi vi phạm xâm phạm đến các quyền tự do cơ bản của công dân.

-Nhà nước tổ chức và xây dựng bộ máy các cơ quan bảo vệ pháp luật từ Trung ương đến địa phương để bảo vệ các quyền tự do cơ bản của công dân.

**b.Trách nhiệm của công dân.**

-Công dân phải học tập, tìm hiểu để nắm được nội dung các quyền tự do cơ bản của mình .

-Công dân có trách nhiệm phê phán, đấu tranh, tố cáo những việc làm trái pháp luật, vi phạm quyền tự do cơ bản của công dân.

-Công dân tích cực tham gia giúp đỡ cán bộ nhà nước thi hành quyết định bắt người, khám người trong những trường hợp được pháp luật cho phép.

-Công dân cần tự rèn luyện, nâng cao ý thức pháp luật để sống văn minh, tuân thủ pháp luật, tôn trọng quyền tự do cơ bản của người khác.

## **Bài 7. CÔNG DÂN VỚI CÁC QUYỀN DÂN CHỦ**

### ***1. Quyền bầu cử và quyền ứng cử vào các cơ quan đại biểu của nhân dân.***

#### ***a. Khái niệm quyền bầu cử và quyền ứng cử.***

\*Quyền bầu cử và quyền ứng cử là các quyền dân chủ cơ bản của công dân trong lĩnh vực chính trị, thông qua đó, nhân dân thực thi hình thức dân chủ gián tiếp ở từng địa phương và trong phạm vi cả nước.

#### ***b. Nội dung quyền bầu cử và ứng cử vào các cơ quan đại biểu của nhân dân.***

\* Người có quyền bầu cử và ứng cử vào cơ bản đại biểu của nhân dân .

-Hiến pháp quy định mọi công dân VN đủ 18 tuổi trở lên đều có quyền bầu cử và đủ 21 tuổi trở lên đều có quyền ứng cử vào Quốc hội, Hội đồng nhân dân.

- Pháp luật quy định rất chặt chẽ những trường hợp không được quyền bầu cử và quyền ứng cử.

\*Cách thực hiện quyền bầu cử và ứng cử của công dân.

-Quyền bầu cử: thực hiện theo các nguyên tắc bầu cử phổ thông, bình đẳng, trực tiếp và bỏ phiếu kín.

-Quyền ứng cử: thực hiện bằng hai con đường: tự ứng cử và được giới thiệu ứng cử.

\*Cách thức nhân dân thực hiện quyền lực nhà nước thông qua các đại biểu và cơ quan quyền lực nhà nước – cơ quan đại biểu của nhân dân. **(Không dạy)**

#### ***c. Ý nghĩa của quyền bầu cử và quyền ứng cử cử công dân.***

- Đây là cơ sở pháp lí – chính trị quan trọng để hình thành các cơ quan quyền lực nhà nước , để nhân dân thể hiện ý chí và nguyện vọng của mình.

- Thể hiện bản chất dân chủ, tiến bộ của Nhà nước ta.

### ***2. Quyền tham gia quản lí nhà nước và xã hội.***

#### ***a. Khái niệm quyền tham gia quản lí nhà nước và xã hội.***

\*Quyền tham gia quản lí nhà nước và xã hội là quyền của công dân tham gia thảo luận vào các công việc chung của đất nước trong tất cả các lĩnh vực của đời sống xã hội, trong phạm vi cả nước và trong từng địa phương; quyền kiến nghị với các cơ quan nhà nước về xây dựng bộ máy nhà nước và xây dựng, phát triển kinh tế - xã hội.

#### ***b. Nội dung cơ bản của quyền tham gia quản lí nhà nước và xã hội.***

\* Ở phạm vi cả nước.

-Tham gia thảo luận, góp ý kiến xây dựng các văn bản pháp luật quan trọng...

-Thảo luận và biểu quyết các vấn đề trọng đại khi Nhà nước tổ chức trưng cầu ý dân.

\* Ở phạm vi cơ sở, dân chủ trực tiếp được thực hiện theo cơ chế “Dân biết, dân bàn, dân làm, dân kiểm tra”, theo Pháp lệnh dân chủ ở cơ sở có 4 loại:

- Những việc phải được thông báo để dân biết và thực hiện.
- Những việc dân bàn và quyết định trực tiếp bằng biểu quyết công khai hoặc bỏ phiếu kín.
- Những việc dân được thảo luận, tham gia ý kiến trước khi chính quyền xã quyết định.
- Những việc nhân dân ở xã giám sát, kiểm tra.

**c. Ý nghĩa của quyền tham gia quản lý nhà nước và xã hội.**

- Đây là cơ sở pháp lý quan trọng để nhân dân tham gia vào hoạt động của bộ máy nhà nước.
- Nhân dân tham gia tích cực vào mọi lĩnh vực của quản lý nhà nước và xã hội, làm cho đất nước ngày càng phát triển thịnh vượng và văn minh.

**3. Quyền khiếu nại, tố cáo của công dân.**

**a. Khái niệm quyền khiếu nại, tố cáo của công dân.**

\* Quyền khiếu nại, tố cáo là quyền dân chủ cơ bản của công dân được quy định trong Hiến pháp, là công cụ để nhân dân thực hiện dân chủ trực tiếp trong những trường hợp cần bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của công dân, tổ chức bị hành vi trái pháp luật xâm hại.

**b. Nội dung quyền khiếu nại, tố cáo của công dân.**

\* Người có quyền khiếu nại, tố cáo.

- Người khiếu nại: cá nhân, tổ chức đều có quyền khiếu nại
- Người tố cáo: Chỉ có công dân mới có quyền tố cáo.

\* Người có thẩm quyền giải quyết khiếu nại, tố cáo:

- Người giải quyết khiếu nại:
- + Người đứng đầu cơ quan hành chính.
- + Người đứng đầu cơ quan cấp trên trực tiếp của cơ quan hành chính.
- + CT UBND cấp tỉnh, Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ, Tổng thanh tra CP, TTCP.
- Người giải quyết tố cáo: là cơ quan, tổ chức, cá nhân có thẩm quyền là:
- + Người đứng đầu cơ quan, tổ chức, có thẩm quyền quản lý người bị tố cáo
- + Người đứng đầu cơ quan hành chính cấp trên của cơ quan, tổ chức có người bị tố cáo
- + Chánh thanh tra các cấp, Tổng Thanh tra Chính phủ, TTCP.

\* Quy trình tố cáo và giải quyết tố cáo có 4 bước:

- + B1: Người tố cáo gọi đơn tố cáo.
- + B2: Người giải quyết tố cáo xác minh và ra quyết định .
- + B3: Nếu người tố cáo thấy việc giải quyết không đúng thì có quyền tố cáo với cơ quan cấp trên..
- + B4: Cơ quan, tổ chức, cá nhân giải quyết tố cáo lần hai có trách nhiệm giải quyết.

**c. Ý nghĩa của quyền khiếu nại, tố cáo của công dân.**

- Đây là cơ sở pháp lí để công dân thực hiện một cách có hiệu quả quyền công dân của mình trong một xã hội dân chủ.
- Để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của công dân, ngăn chặn những việc làm trái pháp luật, xâm phạm lợi ích của Nhà nước, tổ chức và công dân.

**4. Trách nhiệm của Nhà nước và công dân trong việc thực hiện các quyền dân chủ của công dân:**

- Trách nhiệm của Nhà nước: (không dạy)

**b.Trách nhiệm của công dân:**

- Thực hiện quyền dân chủ tức là thực thi quyền của người làm chủ Nhà nước và xã hội.
- Muốn làm một người chủ tốt thì trước tiên cần có ý thức đầy đủ về trách nhiệm làm chủ.

**Bài 8: PHÁP LUẬT VỚI SỰ PHÁT TRIỂN CỦA CÔNG DÂN**

**1.Quyền học tập, sáng tạo và phát triển của công dân.**

**a. Quyền học tập của công dân.**

\*Mọi công dân đều có quyền học tập từ thấp đến cao, có thể học bất cứ ngành, nghề nào, có thể học bằng nhiều hình thức và có thể học thường xuyên, học suốt đời.

**b.Quyền sáng tạo của công dân.**

\*Đó là quyền của mỗi người được tự do nghiên cứu khoa học, tự do tìm tòi, suy nghĩ để đưa ra các phát minh, sáng chế, sáng kiến, cải tiến kĩ thuật, hợp lí hóa sản xuất; quyền về sáng tác văn học, nghệ thuật, khám phá khoa học để tạo ra các sản phẩm, công trình khoa học về các lĩnh vực của đời sống xã hội.

**c.Quyền được phát triển của công dân**

\*Quyền được phát triển là quyền của công dân được sống trong môi trường xã hội và tự nhiên có lợi cho sự tồn tại và phát triển về thể chất, tinh thần, trí tuệ, đạo đức; có mức sống đầy đủ về vật chất; được học tập, nghỉ ngơi, vui chơi, giải trí, tham gia các hoạt động văn hoá; được cung cấp thông tin và chăm sóc sức khỏe; được khuyến khích, bồi dưỡng để phát triển tài năng.

**2. Ý nghĩa quyền học tập, sáng tạo và phát triển của công dân.**

- Thể hiện bản chất tốt đẹp của chế độ xã hội ta.
- Là sở điều kiện cần thiết để con người được phát triển toàn diện, trở thành công dân tốt, đáp ứng yêu cầu CNH, HĐH đất nước.

**3. Trách nhiệm của Nhà nước và công dân trong việc đảm bảo và thực hiện quyền học tập, sáng tạo và phát triển của công dân.**

**a. Trách nhiệm của Nhà nước.**

- Ban hành chính sách, pháp luật thực hiện đồng bộ các biện pháp cần thiết để các quyền này thực sống của mỗi người dân.
- Nhà nước thực hiện công bằng xã hội trong giáo dục, tạo điều kiện để ai cũng được học hành.
- Nhà nước khuyến khích, phát huy sự tìm tòi, sáng tạo trong nghiên cứu khoa học'
- Nhà nước bảo đảm những điều kiện để phát hiện và bồi dưỡng nhân tài cho đất nước

### ***b.Trách nhiệm của công dân***

-Công dân cần có ý thức học tập tốt để có kiến thức, xác định mục đích học tập là học cho mình, cho gia đình và đất nước, trở thành người có ích cho cuộc sống.

-Công dân cần có ý chí vươn lên, chịu khó tìm tòi và phát huy tính sáng tạo trong học tập, nghiên cứu khoa học, lao động sản xuất để tạo ra nhiều sản phẩm cho xã hội.

-Mỗi công dân cố ý thức góp phần vào việc nâng cao dân trí của công dân VN, để VN trở thành một nước phát triển, văn minh.

## **Bài 9: PHÁP LUẬT VỚI SỰ PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG CỦA ĐẤT NƯỚC**

### ***1.Vai trò của pháp luật đối với sự phát triển bền vững của đất nước. (đọc thêm)***

\* Trong lĩnh vực kinh tế.

-Pháp luật tạo ra khung pháp lí cần thiết của hoạt động kinh doanh.

-Pháp luật ghi nhận và bảo đảm quyền tự do kinh doanh của công dân để làm giàu cho mình và cho đất nước.

-Thông qua các quy định về thuế, pháp luật khuyến khích các hoạt động kinh doanh trong những ngành, nghề có lợi cho phát triển kinh tế - xã hội.

Tóm lại, pháp luật giữ vai trò quan trọng , tác động đến toàn bộ nền kinh tế, khơi dậy mọi tiềm năng xã hội để phát triển kinh tế đất nước.

\*Trong lĩnh vực văn hóa.

-Văn hóa là một bộ phận hữu cơ trong toàn bộ hoạt động của xã hội. Pháp luật giữ vai trò chủ đạo, tác động tích cực vào sự nghiệp xây dựng nền văn hóa Việt Nam.

Pháp luật về văn hóa góp phần phát huy giá trị văn hóa dân tộc và tinh hoa văn hóa nhân loại, đáp ứng nhu cầu đời sống tinh thần của nhân dân, nâng cao dân trí, xây dựng đạo đức lối sống tốt đẹp, góp phần vào việc phát triển kinh tế- xã hội đất nước.

\*Trong lĩnh vực xã hội.

-Pháp luật có vai trò quan trọng thúc đẩy sự phát triển trong lĩnh vực xã hội.

-Các vấn đề xã hội nảy sinh trong thời kì kinh tế thị trường, chỉ được giải quyết một cách hiệu quả thông qua các quy định của pháp luật. Cho nên, pháp luật góp phần tích cực vào việc bảo đảm tiến bộ và công bằng xã hội trên đất nước.

\*Trong lĩnh vực bảo vệ môi trường

-Các quy định của pháp luật có tác dụng ngăn ngừa, hạn chế tác động xấu của con người trong quá trình khai thác, sử dụng tài nguyên thiên nhiên nhằm bảo vệ có hiệu quả môi trường và tài nguyên thiên nhiên.

-Pháp luật xác định trách nhiệm bảo vệ môi trường của các tổ chức cá nhân trong hoạt động sản xuất, kinh doanh, dịch vụ và trong đời sống cộng đồng;

-Pháp luật thúc đẩy hoạt động bảo vệ môi trường, góp phần nâng cao nhận thức về bảo vệ môi trường, khuyến khích người dân tham gia các hoạt động bảo vệ môi trường.

\*Trong lĩnh vực quốc phòng, an ninh.

-Pháp luật quy định về bảo vệ chế độ XHCN; giữ vững an ninh chính trị và trật tự, an toàn xã hội;

-Pháp luật quy định nhiệm vụ, quyền hạn, trách nhiệm, nghĩa vụ bảo vệ Tổ quốc, bảo vệ an ninh quốc gia của tổ chức và công dân;

-Pháp luật nghiêm khắc trừng trị và xử lý nghiêm minh đối với những hành vi xâm phạm an ninh quốc gia, xâm phạm độc lập, chủ quyền, toàn vẹn lãnh thổ của Tổ quốc.

-Pháp luật giữ vai trò bảo đảm các điều kiện an ninh trật tự để xã hội ổn định và phát triển.

## **2. Một số nội dung cơ bản của pháp luật trong sự phát triển bền vững của đất nước.**

### **a. Một số nội dung cơ bản của pháp luật về phát triển kinh tế.**

\*Quyền tự do kinh doanh của công dân.

-Tự do kinh doanh có nghĩa là mọi công dân khi có đủ điều kiện do pháp luật quy định đều có quyền tiến hành hoạt động kinh doanh sau khi được cơ quan nhà nước có thẩm quyền chấp nhận đăng ký kinh doanh.

\*Nghĩa vụ của công dân khi thực hiện các hoạt động kinh doanh.

-Kinh doanh đúng ngành, nghề ghi trong giấy phép kinh doanh và những ngành nghề mà pháp luật không cấm.

-Nộp thuế đầy đủ theo quy định của pháp luật.

-Bảo vệ môi trường.

-Bảo vệ quyền lợi của người tiêu dùng.

-Tuân thủ các quy định về quốc phòng, an ninh, trật tự, an toàn xã hội.

### **b. Một số nội dung cơ bản của pháp luật về phát triển văn hóa. (đọc thêm)**

-Pháp luật ban hành các quy định về bảo vệ và phát huy các giá trị di sản văn hóa vật thể và phi vật thể; khuyến khích tạo điều kiện cho các tổ chức và cá nhân tiến hành hoạt động nghiên cứu, sưu tầm, bảo quản, truyền dạy và giới thiệu di sản văn hóa phi vật thể.

-Pháp luật nghiêm cấm những hành vi truyền bá tư tưởng và văn hóa phản động, lối sống đồi trụy, tệ nạn xã hội, mê tín dị đoan, phá hoại thuần phong mỹ tục; nghiêm cấm các hành vi xâm phạm đến các di tích lịch sử- văn hóa, danh lam thắng cảnh, di vật, cổ vật, bảo vật quốc gia.

### **c. Một số nội dung cơ bản của pháp luật về phát triển các lĩnh vực xã hội.**

-Pháp luật khuyến khích các cơ sở kinh doanh tạo ra nhiều việc làm mới cho người lao động.

-Pháp luật quy định, Nhà nước sử dụng các biện pháp kt- tài chính thực hiện xóa đói giảm nghèo

-Luật HN và GD và Pháp lệnh Dân số có nghĩa vụ thực hiện kế hoạch hóa gia đình

-Luật Bảo vệ, Chăm sóc sức khỏe nhân dân quy định trách nhiệm việc Nhà nước áp dụng các biện pháp nhằm giảm tỉ lệ mắc bệnh, nâng cao thể lực, tăng tuổi thọ, đảm bảo phát triển giống nòi

-Vấn đề phòng, chống tệ nạn xã hội, nhất là nạn mại dâm, ma túy; ngăn chặn, tiến tới đẩy lùi đại dịch HIV/AIDS, xây dựng lối sống văn minh, lành mạnh.

### **d. Một số nội dung cơ bản của pháp luật về bảo vệ môi trường (đọc xem qua)**

-Pháp luật nghiêm cấm các hành vi phá hoại, khai thác trái phép rừng, các nguồn tài nguyên thiên nhiên; các hành vi khai thác, đánh bắt các nguồn tài nguyên sinh vật bằng phương tiện, công cụ hủy diệt; khai thác, kinh doanh, tiêu thụ các loài thực, động vật hoang dã quý hiếm thuộc danh mục cấm; chôn lấp chất độc, chất phóng xạ, chất thải và chất nguy hại khác không đúng nơi quy định; thải chất thải chưa được xử lí, các chất độc, chất phóng xạ, chất nguy hại khác vào đất, nguồn nước.

-Người có hành vi vi phạm quy định bảo vệ môi trường sẽ bị xử lí theo quy định của pháp luật.

***e. Một số nội dung cơ bản của pháp luật về quốc phòng, an ninh. (đọc xem qua)***

-Pháp luật quy định củng cố quốc phòng, bảo vệ an ninh quốc gia là nhiệm vụ của toàn dân mà nòng cốt là Quân đội nhân dân và công an nhân dân. Mọi cơ quan, tổ chức và công dân có trách nhiệm và nghĩa vụ tham gia củng cố, quốc phòng, bảo vệ an ninh quốc gia. Mọi hành vi xâm phạm an ninh quốc gia đều phải bị xử lí nghiêm minh, kịp thời.

-Để mọi công dân thực hiện quyền, nghĩa vụ bảo vệ Tổ quốc, bảo vệ an ninh quốc gia, Nhà nước ban hành chế độ nghĩa vụ quân sự, thực hiện giáo dục quốc phòng trong cơ quan, tổ chức và đối với mọi công dân; tuyên truyền, giáo dục bảo vệ an ninh quốc gia.

**Bài 10. PHÁP LUẬT VỚI HÒA BÌNH VÀ SỰ PHÁT TRIỂN TIẾN BỘ CỦA NHÂN LOẠI**  
**(đọc thêm)**